

Số: 119/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 22 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc
của Trường Đại học Thủ Dầu Một

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủ Dầu Một, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 18/6/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủ Dầu Một của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch, đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 42 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 84%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Thủ Dầu Một và Khoa Ngoại ngữ thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng chương trình đào tạo (chi tiết trong Phụ lục II).



3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**



PHỤ LỤC I

**Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủ Dầu Một**
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐKĐCLV ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Hội
đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)		
Tiêu chuẩn 1	3.67	3.67	2	67	Tiêu chuẩn 7	4.00	4.00	5	100		
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4					
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4					
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4								
Tiêu chuẩn 2	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 7.4	4				Tiêu chuẩn 8	4.20
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4	Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chí 8.2	4	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.3	4	Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chuẩn 3	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 8.4	4	Tiêu chí 8.4	4	4.40	5	100
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.5	5	Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chuẩn 9	4.40	Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 9.3	4	Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 4	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 9.4	4	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.5	5	Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chuẩn 10	3.67	Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 4.3	3	Tiêu chí 10.3	4	Tiêu chí 10.3	4						
Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4	80	Tiêu chí 10.4	4	Tiêu chí 10.4	4	4.00	5	100
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 10.5	4	Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 10.6	3	Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chuẩn 11	4.00	Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 11.4	4	Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 11.5	4	Tiêu chí 11.5	4						
Tiêu chuẩn 6	4.14	4.14	6	86	Đánh giá chung CTĐT	Số tiêu chí đạt			Tỷ lệ số tiêu chí đạt		
Tiêu chí 6.1	4				42			84%			
Tiêu chí 6.2	3										
Tiêu chí 6.3	4										
Tiêu chí 6.4	5										
Tiêu chí 6.5	4										
Tiêu chí 6.6	5										
Tiêu chí 6.7	4										

QUY ĐỊNH VÀ
KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỒNG ĐỘI

PHỤ LỤC II

Các kiến nghị cải tiến chất lượng đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Thủ Dầu Một

(Kèm theo Nghị quyết số: 119/NQ-HĐKĐCLV ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Thủ Dầu Một đã được Nhà trường tổ chức tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá ngoài đối với CTĐT giai đoạn 2016-2021 cho thấy có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung, yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và triển vọng việc làm trong tương lai. Bản mô tả CTĐT có đủ các thông tin cơ bản về CTĐT, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường, được phổ biến đầy đủ cho người học và dễ dàng tiếp cận đối với các bên liên quan. Chương trình dạy học được thiết kế theo yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, cơ hội việc làm sau khi ra trường; được phân bổ khá hợp lý; được rà soát, điều chỉnh. Các hoạt động dạy học được tổ chức khá đa dạng với nhiều tổ hợp phương pháp. Hoạt động kiểm tra, đánh giá được quy định cụ thể, thiết kế đa dạng, hướng dẫn rõ ràng; quy trình khiếu nại về kết quả học tập được phổ biến đầy đủ, dễ tiếp cận và được xử lý kịp thời. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được quy hoạch phù hợp với quá trình vận hành và chiến lược phát triển của Nhà trường. Chính sách, tiêu chí tuyển chọn người học rõ ràng, được công bố rộng rãi. Khuôn viên Trường thoáng mát, thân thiện; cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn; môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và tạo cảm giác thoải mái cho người học. Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, sinh hoạt cho cán bộ và người học được chú trọng đầu tư; hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư đồng bộ, hiện đại; nguồn học liệu đa dạng, phong phú, đáp ứng yêu cầu vận hành của CTĐT. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bước đầu được Nhà trường sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của người học được xác lập, giám sát và đối sánh với một số trường có cùng ngành đào tạo. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập.

Mặc dù vậy, một số lĩnh vực của CTĐT cần được khắc phục, cải tiến để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu và triển vọng việc làm cho người học. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Ngoại ngữ có lộ trình cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau:

(i) Nghiên cứu, khảo sát đặc điểm, nhu cầu nhân lực của tỉnh Bình Dương và các địa phương lân cận, tăng cường lấy ý kiến các bên liên quan, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động, từ đó phân tích, tổng hợp dữ liệu để tiếp tục điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT nhằm đáp ứng kỳ vọng của thị trường lao động trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế chuyển đổi số trong nước và thế giới. Các chuẩn đầu ra cần được diễn đạt chính xác, tường minh nhằm đáp ứng đầy đủ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, đồng thời khả thi trong việc đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học. Chú trọng sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT để thể hiện được mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT.

(ii) Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần cần tiếp tục được rà soát và hoàn thiện, đảm bảo thống nhất về cấu trúc; bổ sung chuẩn đầu ra nhằm thể hiện các kỹ năng xã hội và khởi nghiệp được tích hợp trong chuẩn đầu ra của CTĐT. Đề cương chi tiết cần cập nhật các học phần tự chọn theo khung chương trình đào tạo; cần có sự thay đổi mang tính đột phá về nguồn học liệu; phương pháp dạy - học và hình thức kiểm tra đánh giá; cần nghiên cứu, cân nhắc việc chuyển ngữ Bản mô tả CTĐT sang tiếng Trung để đáp ứng nhu cầu tiếp cận của các doanh nghiệp đến từ Trung Quốc, Đài Loan, ... trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận.

(iii) Tăng cường hoạt động rà soát ma trận liên kết học phần với chuẩn đầu ra CTĐT để khớp nối các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, đảm bảo các chuẩn đầu ra được chuyển tải vào nội dung chương trình dạy học của các học phần. Nghiên cứu các biện pháp để tăng tính tích hợp cho CTĐT để giảm thiểu sự dàn trải về số lượng các học phần, gây khó khăn trong việc đo lường, đánh giá mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT.

(iv) Triết lý giáo dục của Nhà trường cần được chuyển tải vào các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng bằng các cơ chế, chính sách, quy định và hướng dẫn cụ thể; tiến hành đánh giá mức độ phù hợp và tính hiệu quả của các phương pháp dạy học tiến tiến đang được áp dụng; chuyển đổi mạnh mẽ phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, tích cực, chủ động, tự lực và sáng tạo; chú trọng đào tạo cho người học các kỹ năng mềm, khả năng thích nghi với môi trường làm việc, chủ động hội nhập, có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; có quy định cụ thể về nội dung tự học và hình thức đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu nhằm rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời của người học; sớm định hướng nghề nghiệp để người học tiếp cận nhanh với thế giới việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

(v) Xây dựng, thiết kế các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp, tin cậy để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và khởi nghiệp, phẩm chất đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm; định kỳ rà soát, đánh giá mức độ phù hợp, tính chính xác và đảm bảo sự công bằng của các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá; tăng cường sử dụng các phương pháp đánh giá bằng hình thức vấn đáp, tiểu luận, thực hành, bài tập lớn thay cho hình thức tự luận đối với các học phần phù hợp; thực hiện phân tích phổ điểm,

phân tích đề thi, xây dựng đồng bộ ngân hàng đề thi để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, công bằng, minh bạch của kết quả đánh giá.

(vi) Điều chỉnh công tác quy hoạch và chính sách phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ để đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ; có chính sách thu hút và đãi ngộ phù hợp để tăng cường tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư; tích cực trao đổi học thuật với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để nâng cao năng lực nghiên cứu, thúc đẩy công bố quốc tế, từng bước hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh tron lĩnh vực ngôn ngữ; chủ động tìm kiếm và thực hiện các đề tài khoa học các cấp, đặc biệt là các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp bộ và cấp Nhà nước.

(vii) Hoàn thiện đề án vị trí việc làm, trong đó chú trọng mô tả chính xác, cụ thể, rõ ràng công việc của các đơn vị; rà soát các quy định, quy trình, hướng dẫn về công tác tuyển dụng nhân viên, bổ sung các tiêu chí phù hợp để đánh giá năng lực của ứng viên trong quá trình tuyển dụng; thường xuyên lấy ý kiến về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động hỗ trợ để liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng; xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

(viii) Đa dạng hóa các hình thức tuyển chọn người học với các tiêu chí rõ ràng và cụ thể; nghiên cứu đổi mới công tác tuyển sinh phù hợp với từng đối tượng, địa bàn tuyển sinh và chính sách tuyển sinh của Trường; thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về chính sách và phương thức tuyển sinh cũng như môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan của Nhà trường; định kỳ đánh giá chất lượng người học theo từng hình thức tuyển sinh; chú trọng định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

(ix) Đảm bảo số lượng và diện tích phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư theo quy định; tăng cường số lượng phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng chờ cho giảng viên; đẩy mạnh đầu tư để bổ sung nguồn tài liệu tham khảo, tài liệu ngoại văn; đẩy nhanh tiến độ số hóa nguồn học liệu, đặc biệt là nguồn tài liệu nội sinh; tăng cường liên kết liên thư viện với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu trong và ngoài nước để cán bộ, giảng viên, người học có thể sử dụng, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên số; xây dựng và phát triển hệ thống thông tin tổng thể để phục vụ công tác quản lý và điều hành nhà trường cũng như nâng cao chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo trực tuyến trong giai đoạn chuyển đổi số.

(x) Hoàn thiện hệ thống thu thập phản hồi của các bên liên quan, đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ; tiến hành phân tích, đánh giá, chọn lọc thông tin phản hồi để cải tiến các lĩnh vực hoạt động; thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá để không ngừng cải tiến quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học, đáp ứng xu thế cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; cải tiến phương pháp dạy - học; đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu

khoa học mang tính thực tiễn, phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước, có khả năng ứng dụng trực tiếp cho việc cải tiến hoạt động dạy và học; phát huy hiệu quả hoạt động của Hội đồng Đảm bảo chất lượng, mạng lưới đảm bảo chất lượng bên trong để dần hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng, tiến tới văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

(xi) Thực hiện phân tích, đánh giá đầy đủ nguyên nhân tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp; tăng cường đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp trung bình với các cơ sở giáo dục có cùng ngành đào tạo để đề ra các biện pháp khắc phục, cải tiến kịp thời; tăng cường hoạt động thu thập thông tin, dữ liệu về tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp, đảm bảo số liệu chính xác, tin cậy và cập nhật; đa dạng các loại hình nghiên cứu khoa học sinh viên, đồng thời có cơ chế, chính sách để hỗ trợ, thúc đẩy, tạo động lực cho người học nghiên cứu khoa học.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp mang tính tổng quát của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục. Nhà trường, Khoa Ngoại ngữ cần tổ chức nghiên cứu nghiêm túc, kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch chi tiết, đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp nhằm nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (tháng 12/2024), Nhà trường cần xây dựng báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh.
